

CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC VÀ XÂY DỰNG QUẢNG NGÃI

Số: 316/Cty

V/v giải trình lợi nhuận sau thuế quý 3 năm 2024 so với quý 3 năm 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày 29 tháng 10 năm 2024

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà Nước

- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Tên cổ phiếu: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC VÀ XÂY DỰNG QUẢNG NGÃI  
 Mã cổ phiếu: QNW  
 Địa chỉ: 17 Phan Chu Trinh - phường Nguyễn Nghiêm - TP Quảng Ngãi - Tỉnh Quảng Ngãi  
 Mã số thuế: 4300326264  
 Người đại diện: ông NGUYỄN ĐĂNG ĐO Chức vụ: Giám Đốc

Căn cứ thông tư số 96/2020/TT-BTC có hiệu lực ngày 01/01/2021 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán quy định giải trình cụ thể khi lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước.

Công ty CP Cấp thoát nước và Xây dựng Quảng Ngãi giải trình về việc lợi nhuận sau thuế quý 3 năm 2024 so với quý 3 năm 2023 cụ thể như sau :

Chỉ tiêu	Mã số	CÔNG TY MẸ				HỢP NHẤT			
		quý 3 năm 2024	quý 3 năm 2023	Tăng/giảm	Tỷ lệ(%)	quý 3 năm 2024	quý 3 năm 2023	Tăng/giảm	Tỷ lệ(%)
1	2	3	4	5=3-4	6=5/4	7	8	9=7-8	10=9/8
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	30.609.508.841	19.996.892.572	10.612.616.269		30.617.842.174	20.048.105.535	10.569.736.639	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	0	0	0		0	0	0	
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b> <i>(10=01- 02)</i>	<b>10</b>	<b>30.609.508.841</b>	<b>19.996.892.572</b>	<b>10.612.616.269</b>	<b>53,1%</b>	<b>30.617.842.174</b>	<b>20.048.105.535</b>	<b>10.569.736.639</b>	<b>52,7%</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	13.026.030.342	13.117.228.034	(91.197.692)	-0,7%	12.961.849.856	12.906.616.810	55.233.046	0,4%
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp</b> <i>(20=10-11)</i>	<b>20</b>	<b>17.583.478.499</b>	<b>6.879.664.538</b>	<b>10.703.813.961</b>		<b>17.655.992.318</b>	<b>7.141.488.725</b>	<b>10.514.503.593</b>	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	642.837.392	1.256.526.137	(613.688.745)	-48,8%	642.855.922	1.256.557.927	(613.702.005)	-48,8%
7. Chi phí tài chính	22	184.248.737	140.959.174	43.289.563	30,7%	109.107.659	140.959.174	(31.851.515)	-22,6%

Đơn vị tính: VNĐ



- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	109.107.659	140.959.174	(31.851.515)		109.107.659	140.959.174	(31.851.515)	
8. Chi phí bán hàng	25	955.603.560	1.206.896.152	(251.292.592)	-20,8%	955.603.560	1.206.896.152	(251.292.592)	-20,8%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	2.212.081.367	1.942.184.083	269.897.284	13,9%	2.356.149.448	2.088.900.439	267.249.009	12,8%
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>	<b>14.874.382.227</b>	<b>4.846.151.266</b>	<b>10.028.230.961</b>	<b>206,9%</b>	<b>14.877.987.573</b>	<b>4.961.290.887</b>	<b>9.916.696.686</b>	<b>199,9%</b>
<i>(30=20+(21-22)-(25+26)</i>									
11. Thu nhập khác	31		40.595				40.595		
12. Chi phí khác	32		505.248	(505.248)	-100,0%	3.605.346	505.248	3.100.098	613,6%
<b>13. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>	<b>0</b>	<b>(464.653)</b>	<b>464.653</b>		<b>(3.605.346)</b>	<b>(464.653)</b>	<b>(3.140.693)</b>	
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>	<b>14.874.382.227</b>	<b>4.845.686.613</b>	<b>10.028.695.614</b>	<b>207,0%</b>	<b>14.874.382.227</b>	<b>4.960.826.234</b>	<b>9.913.555.993</b>	<b>199,8%</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	2.974.876.445	983.655.943	1.991.220.502		2.974.876.445	983.655.943	1.991.220.502	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52								
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>	<b>11.899.505.782</b>	<b>3.862.030.670</b>	<b>8.037.475.112</b>	<b>208,1%</b>	<b>11.899.505.782</b>	<b>3.977.170.291</b>	<b>7.922.335.491</b>	<b>199,2%</b>
<i>(60=50-51-52)</i>									
18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ						11.899.505.782	3.977.170.291	7.922.335.491	199,2%
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát									
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu						594,98	198,86		
21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu									

#### BCTC CÔNG TY MẸ

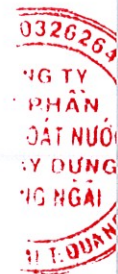
- Lợi nhuận sau thuế quý 3 năm 2024 tăng cao 208,1% so với quý 3 năm 2023 với lý do : Doanh thu bán hàng tăng cao 53,1% cụ thể là giá nước được UBND Tỉnh phê duyệt tăng từ tháng 9/2023 và năm 2024 thu đủ theo Quyết định của UBND tỉnh trong khi giá vốn hàng bán quý 3 năm 2024 giảm 0,7% so với quý 3 năm 2023

- Trong khi đó :

+ Doanh thu hoạt động tài chính giảm 48,8% do lãi suất tiền gửi có kỳ hạn giảm và chi phí tài chính tăng 30,7% do khoản dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con tăng nhẹ.

+ Chi phí bán hàng giảm 20,8% và chi phí quản lý doanh nghiệp cũng tăng 13,9%.

Dẫn đến lợi nhuận sau thuế quý 3 năm 2024 tăng cao 208,1% so với quý 3 năm 2023



## BCTC HỢP NHẤT

- Lợi nhuận sau thuế quý 3 năm 2024 tăng cao 199,2% so với quý 3 năm 2023 với lý do : Doanh thu bán hàng tăng cao 52,7% cụ thể là giá nước được UBND Tỉnh phê duyệt tăng từ tháng 9/2023 và năm 2024 thu đủ theo Quyết định của UBND tỉnh trong khi giá vốn hàng bán quý 3 năm 2024 tăng nhưng không đáng kể 0,4% so với quý 3 năm 2023

- Trong khi đó :

+ Doanh thu hoạt động tài chính giảm 48,8% do lãi suất tiền gửi có kỳ hạn giảm và chi phí tài chính cũng giảm 22,6% do tiền lãi vay phải trả giảm dần theo dư nợ gốc giảm.

+ Chi phí bán hàng giảm 20,8% và chi phí quản lý doanh nghiệp cũng tăng 12,8%.

Từ các chỉ tiêu nêu trên nhất là Doanh thu tiền nước tăng cao, trong khi các chỉ tiêu khác thay đổi không đáng kể, dẫn đến kết quả lợi nhuận sau thuế quý 3 năm 2024 tăng 199,2% so với quý 3 năm 2023

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên

- Lưu Phòng HC

